TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Phạm Quang Trí.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số nhà 28/6, tổ 6, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Nhựt T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số nhà 28/6, tổ 6, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Khu phố P, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2018; bản tự khai ngày 11 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Minh Tiến trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Nhựt T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã

Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70, Quyển số 01/2005, ngày 29/3/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi việc. Ông T và bà T đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Trần Minh T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhựt T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2005 và Trần Thị Tố N, sinh ngày 19/12/2008. Khi ly hôn ông Trần Minh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tiến Đ; bà Nguyễn Thị Nhựt T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tố N; ông T và bà T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông Tiến có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018 bà T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nhựt T đồng ý ly hôn với ông Trần Minh Tiến.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về con chung: Bà T yêu cầu với ông T mỗi người nuôi một con chung; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T nhiều lần để hòa giải nhưng bà Thủy có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt bà T rong suốt quá trình tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2018, con chung tên Trần Tiến Đ trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được chung sống với ông Trần Minh T; Trần Thị Tố N trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được chung sống với bà Nguyễn Thị Nhựt T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhựt T.

+ Về con chung: Do ông Trần Minh T hiện đang nuôi con chung tên Trần Tiến Đ và nguyện vọng của cháu Đ là được ở với cha; bà Nguyễn Thị N Thủy hiện đang nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tố N và nguyện vọng của cháu N là được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tiến Đ, bà T trục tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Tố N.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Trần Minh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Nhựt T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Nhựt T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70, Quyển số 01/2005, ngày 29/3/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi việc. Ông T và bà P đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân. Bị đơn bà Nguyễn Thị Nhựt T đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù

hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2005 và Trần Thị Tố N, sinh ngày 19/12/2008. Khi ly hôn ông Trần Minh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tiến Đ; bà Nguyễn Thị Nhựt T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tố N; ông T và bà T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T đồng ý mỗi người nuôi một con chung. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Trần Minh T cho bà Nguyễn Thị Nhựt T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Thị Tố Ncho bà Nguyễn Thị Nhựt T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Toà án thì nguyên đơn ông Trần Minh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị Nhựt T.

2. Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhựt T.

3. Về con chung: Giao cho ông Trần Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2005; giao cho bà Nguyễn Thị Nhựt T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tố N, sinh ngày 19/12/2008.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Nhựt T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014328 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Trần Minh T không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- THADS (01);
- UBND phường T,
thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền